

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 279/2024/DS-ST
Ngày: 12/7/2024.
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Kim Chi
- Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng

Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Ngọc Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 12 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 75/2024/TLST-DS ngày 19/03/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 103/2024/QĐST-DS ngày 10/6/2024, quyết định hoãn phiên tòa số 105/2024/QĐST-DS ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông TRẦN VĂN P – sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang,

2. Bị đơn: Bà TRẦN THỊ BÍCH V – sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông ĐÀO CÔNG T – sinh năm 1976

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện G, Tiền Giang

(ông P có mặt, bà V, ông T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn P trình bày: ông và vợ chồng bà V, ông T có quen biết nhau. Vào ngày 26/2/2023 ông có cho bà V vay số tiền 59.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay là 5 tháng sẽ trả lại tiền. Khi vay bà V có làm hợp đồng vay tiền có chữ viết và chữ ký của bà V, nhưng trong hợp đồng vay không ghi thời hạn trả tiền và lãi suất mà hai bên thỏa thuận miệng. Khi vay bà V có giao cho ông giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05977 ngày 6/10/2008 đối với thửa đất số 158, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.201,4m² mang tên ông Đào Công T và bà Trần Thị Bích V. Từ khi vay đến nay bà V không có trả cho ông số tiền vốn hay lãi gì cả. Ông có gặp bà V yêu cầu bà V trả tiền nhưng bà V hứa nhưng không thực hiện. Khi vay tiền và khi bà V giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông thì không có mặt ông T và từ đó cho đến nay ông cũng chưa gặp ông T lần nào cả. Nay ông yêu cầu bà V trả số tiền vốn là 59.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi số tiền 59.000.000 đồng với lãi suất là 0,83%/tháng từ ngày bà V không trả tiền là ngày 27/7/2023 đến ngày Tòa xét xử. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà V trả tiền cho ông thì ông trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này lại cho ông T và bà V.

* Bị đơn bà Trần Thị Bích V đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho bà V nhưng bà V không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông P.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Công T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của ông P.

Tại phiên Tòa hôm nay

Nguyên đơn ông Trần Văn P yêu cầu bà Trần Thị Bích V trả lại số tiền 59.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ông P sẽ trả cho bà V, ông T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05977 ngày 6/10/2008 đối với thửa đất số 158, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.201,4m² mang tên ông Đào Công T và bà Trần Thị Bích V.

Bị đơn bà Trần Thị Bích V vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Công T vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1] Xét bị đơn bà Trần Thị Bích V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Công T đã được triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng bà V, ông T vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt bà V, ông T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Trần Văn P là có cơ sở: vì ông Trần Văn P có cho bà Trần Thị Bích V vay số tiền 59.000.000 đồng vào ngày 26/2/2023 với lãi suất là 3%/tháng, với thời hạn vay là 5 tháng. Từ khi vay đến nay đã quá thời hạn trả tiền nhưng bà V không trả cho ông P số tiền vốn và lãi nào cả. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình ông P cung cấp "Hợp đồng vay tiền" ngày 26/2/2023 có chữ viết và chữ ký của bà V. Do đó, có đủ cơ sở để xác định giữa ông P với bà V đã xác lập hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, phía bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nên cần buộc bà V có trách nhiệm trả cho ông P số tiền 59.000.000 đồng là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về tiền lãi: ông Trần Văn P không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về thời gian trả: ông P yêu cầu bà V trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét ý kiến này của ông P là có cơ sở vì số tiền này bà V để kéo dài không trả cho ông P, đã ảnh hưởng đến quyền lợi của ông P, nên cần buộc bà V trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05977 ngày 6/10/2008 đối với thửa đất số 158, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.201,4m² mang tên ông Đào Công T và bà Trần Thị Bích V. Bà V đã giao cho ông P giữ mà không có sự đồng ý của ông T, nhưng không phải là thế chấp để bảo đảm khoản vay của bà V, mà là giữ để làm tin. Tại phiên tòa ông P cũng đồng ý trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông T, bà V. Do đó, cần buộc ông P trả cho ông T, bà V khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 175, 177, 227, 233, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 275, 280, 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015
- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn P

Buộc bà Trần Thị Bích V có trách nhiệm trả cho ông Trần Văn P số tiền **59.000.000** đồng (năm mươi chín triệu đồng), khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc ông Trần Văn P có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Bích V và ông Đào Công T bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05977 ngày 6/10/2008 đối với thửa đất số 158, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.201,4m² mang tên ông Đào Công T và bà Trần Thị Bích V, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: bà Trần Thị Bích V phải chịu **2.950.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho ông Trần Văn P **1.768.000** đồng tiền tạm ứng án phí mà ông P đã nộp theo biên lai thu số 0009307 ngày 19/03/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Báo đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo các đương sự vắng mặt biết được quyền kháng cáo bản án này trong 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án văn hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- THA.DS huyện Gò Công Tây
- Các đương sự.
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Tuấn Anh